

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HS-PT
Ngày: 29-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Huỳnh Thị Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hữu Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 35/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Phan Đình V, Đặng Văn P và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phan Đình V** (tên gọi khác: S); Sinh ngày 01/01/1985, tại: tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Phan Đình D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1961; vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/01/2015, bị Công an huyện M, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 22/QĐ-XPHC về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã đóng phạt; ngày 31/5/2019, bị Công an huyện M, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPVPHC về hành vi “Đánh bạc với hình thức đá gà” với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã đóng phạt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 10/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. **Đặng Văn P** (tên gọi khác: Lũì); sinh ngày 28/12/1988, tại: thị xã K,

tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Phan Thị M, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1993; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: ngày 29/11/2022, bị Công an huyện M, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC về hành vi “Giúp sức, che giấu việc đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà” với số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo đã đóng phạt ngày 30/11/2022; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 10/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. **Phạm Văn T**; Sinh ngày 17/6/1987, tại: huyện T, tỉnh Long An; giới tính: nam; nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: môi giới mua bán lúa; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con của ông Phạm Văn Phụng A, sinh năm 1966 và bà Võ Thị L3, sinh năm 1967; vợ: Nguyễn Thị Mộng V1, sinh năm 1987; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: ngày 01/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xử phạt 11 tháng 20 ngày tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (thời hạn tù bằng với thời hạn tạm giam tính kể từ ngày 12/11/2020 đến ngày 01/11/2021), tuyên bố trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa theo Bản án số 17/2021/HSST ngày 01/11/2021, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 10/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Ông Nguyễn Hòa B là luật sư thuộc Văn phòng L6, Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt)

4. **Trương Ngọc H** (tên gọi khác: Bánh Bao); sinh ngày 16/3/1990, tại: thị xã K, tỉnh Long An; khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con của ông Trương Ngọc T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1961; vợ Nguyễn Thị Cẩm D1, sinh năm 1991; con: có 01 người, sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 10/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. **Lê Văn T2**; sinh ngày 12/10/1989, tại: huyện T, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con của ông Lê Văn C, sinh năm 1965 và bà Phan Thị H1, sinh năm 1966; vợ tên Lê Thị Kim T3, sinh năm 2000; con có 01 người, sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/4/2018, bị Công an huyện T, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 85/QĐ-XPVPHC về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng” với số

tiền 750.000 đồng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 10/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. **Trần H2** (tên gọi khác: Hò); sinh ngày 24/7/1988, tại: huyện T, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: nam; con của ông Trần H3 (đã chết) và bà Phạm Thị B1 (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1989; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/02/2019, bị Công an huyện T, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 23/QĐ-XPVPHC về hành vi “Đánh bạc bằng hình thức đá gà” với số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 12/5/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

7. **Nguyễn Thành T4** (tên gọi khác: Hai Đen); sinh ngày 12/02/1982, tại: thị xã K, tỉnh Long An; nơi cư trú: khu phố B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Nguyễn Hùng B2, sinh năm 1953 (đã chết) và bà mẹ Hồ Thị B3, sinh năm 1955; vợ tên Võ Thúy K1, sinh năm 1988; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự: ngày 25/01/2022, bị Công an thị xã K, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPHC về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng, đã đóng phạt ngày 03/6/2022; nhân thân: ngày 22/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong thời gian thử thách án treo, đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 21/02/2023, đến ngày 12/5/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

8. **Đỗ Văn T5**; sinh ngày 01/01/1970, tại: thị xã K, tỉnh Long An; nơi cư trú: I H, khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê (chạy xe ba gác); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Đỗ Văn T6, sinh năm 1928 và bà Phạm Thị B4, sinh năm 1932; vợ tên Nguyễn Thị X, sinh năm 1974; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: ngày 25/01/2022, bị Công an thị xã K, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 15/QĐ-XPHC về hành vi “Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép (đá gà)” với số tiền 7.500.000 đồng, chưa đóng phạt; nhân thân: ngày 20/9/2010, bị Công an huyện M, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.000.000 đồng; ngày 12/02/2018, bị Công an thị xã K, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tổ chức đánh bạc” với số tiền 7.500.000 đồng; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

9. **Huỳnh Thái S1** (tên gọi khác: Phèn); sinh ngày 23/10/1987, tại: thị xã

K, tỉnh Long An; nơi cư trú: khu phố B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con của ông Huỳnh Văn H4, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1967; vợ tên Đỗ Thị T7, sinh năm 1991; con chung có 02 người, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022. tiền án: ngày 25/7/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An kết án về tội “Tội tổ chức đánh bạc”, với hình phạt chính là phạt tiền 50.000.000 đồng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 25/7/2022, S1 chấp hành hình phạt chính vào ngày 02/11/2022 nên chưa được xóa án tích; tiền sự: không; nhân thân: ngày 14/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; ngày 28/6/2021, bị Công an Thị xã K, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã đóng phạt; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập đến tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 11/02/2023, Công an huyện T, tỉnh Long An tiến hành kiểm tra, bắt quả tang nhiều đối tượng đang tụ tập tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà được, thua bằng tiền tại bãi đất trống cạnh đường B kênh G thuộc ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An; bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: số tiền **252.300.000** đồng; 20 cặp cựa gà bằng kim loại; 01 cân đồng hồ loại 05kg; 04 con gà trống nuôi đã chết; 01 tấm kính chắn gà; 100 cuộn băng keo chưa sử dụng; 15 cuộn băng keo đã sử dụng; 03 tấm lưới màu đen; 01 tấm bạt màu xanh; 36 ghế ngồi bằng nhựa; 01 hộp bằng nhựa; 21 điện thoại di động và 16 xe mô tô các loại.

Qua quá trình điều tra xác định được: vào ngày 23/01/2023, Phan Đình V, Phan Như T8, Phạm Văn T, Đặng Văn P, Trương Ngọc H, Lê Minh N, Trần Hoài V2 cùng bàn bạc thống nhất tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà được, thua bằng tiền nhằm thu tiền “sân” mỗi trận đá gà là 200.000 đồng và 05% số tiền cược thông qua người làm “biện”. Sau khi kết thúc các trận đá gà, tất cả sẽ chia đều số tiền thu được thành 07 phần để tiêu xài cá nhân. Sau đó, Lê Minh N rủ thêm Lê Văn T2 cùng tham gia tổ chức đánh bạc, T2 làm nhiệm vụ sắp xếp xe mô tô của các con bạc đến tham gia đánh bạc, canh đường, canh giới lực lượng Công an, N chia 50% tiền thu lại của N cho T2, T2 đồng ý. Sau khi bàn bạc thống nhất, các đối tượng chuẩn bị công cụ gồm: 20 cặp cựa gà bằng kim loại; 01 cân đồng hồ loại 05kg; 01 tấm kính chắn gà; băng keo; 03 tấm lưới màu đen; 01 tấm bạt màu xanh; ghế ngồi bằng nhựa; 01 hộp bằng nhựa để đựng tiền “xâu”; 01 thùng đá bằng nhựa, màu đỏ, hình chữ nhật, không rõ nhãn hiệu và chọn các bãi đất trống trên địa bàn xã B, huyện T, tỉnh Long An luân phiên làm địa điểm để tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà được, thua bằng tiền. Đến

ngày 06/02/2023, Phan Như T8 rủ thêm Trần H2 cùng tham gia tổ chức đánh bạc, H2 làm nhiệm vụ mài cựa gà, giao cựa và giao băng keo cho chủ gà, T8 thỏa thuận trả tiền công cho H2 từ 200.000 đồng - 300.000 đồng/ngày, H2 đồng ý. Khi tổ chức các trận đá gà, V2, T8, H, T, P rủ thêm Huỳnh Thái S1, Ngô Ngọc M1, Nguyễn Quốc M2, Nguyễn Trường A1, Võ Đại T9, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Nguyễn Thanh T10, Huỳnh Thái S1 cùng tham gia tổ chức đánh bạc với nhiệm vụ là người làm biện các trận đá gà, thỏa thuận với M1, M2, A1, T9, T5, T4, T10, S1 được hưởng 30% số tiền thu được từ 05% số tiền của các con bạc đặt cược thông qua người làm “biện”. Từ ngày 23/01/2023 đến trước ngày 10/02/2023, V2, T8, P, H, T, T2, N, H2, Hoài V2, M1, M2, A1, T9, T5, T4, T10, S1 luân phiên tổ chức đánh bạc tại các bãi đất trống trên địa bàn xã B, huyện T, tỉnh Long An, có ngày tổ chức, có ngày nghỉ, không tổ chức liên tục. Huỳnh Thái S1 đã tham gia làm biện nhiều ngày và đã nhận số tiền làm biện là 1.500.000 đồng từ T8. Trần Hoài V2 đã tham gia nhóm tổ chức đánh bạc từ ngày 23/01/2023 đến ngày 09/02/2023 và đã được chia tiền nhiều lần với tổng số tiền 2.000.000 đồng từ T8. Đến ngày 09/02/2023, Trần Hoài V2 đi làm thuê nên gặp Phan Như T8 nói với T8 là Hoài V2 nghỉ không tham gia tổ chức đánh bạc nữa. Trước ngày 11/02/2023 (không xác định cụ thể ngày) Lê Minh N gặp Lê Văn T2 và Phạm Văn T nói với T2 và T là N nghỉ không tham gia tổ chức đánh bạc nữa.

Đến ngày 11/02/2023, Phạm Văn T trực tiếp chọn địa điểm tại bãi đất trống cạnh đường bờ tây kênh G thuộc ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An cùng Phan Đình V, Phan Như T8, Đặng Văn P, Trương Ngọc H, Lê Văn T2, Trần H2 tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà được, thua bằng tiền. Tất cả cùng chuẩn bị công cụ đánh bạc và đã phân công nhiệm vụ cho từng người từ những lần tổ chức đá gà trước đó như sau: Phan Đình V, Trương Ngọc H làm trọng tài; Đặng Văn P làm nhiệm vụ cân gà; Trần H2 giao băng keo, cựa gà cho chủ gà; Lê Văn T2 sắp xếp xe mô tô và cảnh giới lực lượng Công an; Phan Như T8 ghi sổ, giữ tiền. Khi tổ chức các trận đá gà vào ngày 11/02/2023, V, T8, H, P rủ Ngô Ngọc M1, Nguyễn Quốc M2, Nguyễn Trường A1, Võ Đại T9, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Nguyễn Thanh T10 cùng tham gia tổ chức đánh bạc với vai trò là người làm biện các trận đá gà, thỏa thuận những người làm biện được hưởng 30% số tiền thu được từ 05% số tiền các con bạc đặt cược thông qua người làm “biện”. Đến khoảng 12 giờ ngày 11/02/2023, các bị cáo đã tổ chức cho 14 đối tượng tham gia 05 trận đá gà.

- Trận thứ nhất: gà que của Đặng Văn P đá sỏ với gà xanh của Đỗ Thành P2, số tiền cược hai bên là 2.400.000 đồng.

- Trận thứ hai: gà bướm của Phan Đình V đá sỏ với gà điều của Đặng Văn P, số tiền cược hai bên là 2.400.000 đồng.

- Trận thứ ba: gà trích của Phan Đình V đá sỏ với gà bướm của Đặng Văn P, số tiền cược hai bên là 2.400.000 đồng.

- Trận thứ tư: gà que của Phan Như T8 đá sỏ với gà chuối của Trương Ngọc H, số tiền cược hai bên là 2.400.000 đồng.

- Trận thứ năm: gà que của Đặng Văn P đá sỏ với gà xanh của Đỗ Thành P2, số tiền cược hai bên là 4.400.000 đồng. Trong trận đá gà thứ năm còn xác định 10 người tham gia thông qua biện như sau: Nguyễn Văn T11 cược số tiền 200.000 đồng, Lê Văn P3 cược số tiền 1.000.000 đồng, Đặng Văn P hùn số tiền 2.000.000 đồng cùng Đoàn Thanh T12 hùn số tiền 3.000.000 đồng, được tổng số tiền là 5.000.000 đồng cược với số tiền cược 5.000.000 đồng với một người nam không rõ nhân thân lai lịch, Nguyễn Thanh H5 cược số tiền 1.000.000 đồng, Đinh Quốc Q cược số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn L5 cược số tiền 1.000.000 đồng, Trương Quốc B5 cược số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Tấn Đ1 cược số tiền 500.000 đồng, Trần H2 cược số tiền 500.000 đồng, Võ Đại T9 cược số tiền 500.000 đồng; Trong trận đá gà thứ năm Nguyễn Thanh T10 nhận cược của một người nam trung niên (không rõ nhân thân, lai lịch) cược gà que số tiền 2.000.000 đồng, Đỗ Văn T5 là người làm biện đã trực tiếp nhận cược của một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng đánh bạc trong trận đá gà thứ năm là 24.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSTT, ngày 24/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo như sau:

Truy tố bị cáo Phan Đình V, Phan Như T8, Phạm Văn T, Trương Ngọc H, Lê Văn T2, Trần H2, Ngô Ngọc M1, Nguyễn Quốc M2, Võ Đại T9, Nguyễn Thanh T10, Nguyễn Trường A1 về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị can Đặng Văn P về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị can Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4 về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị can Huỳnh Thái S1 về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị can Đoàn Thanh T12 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 67/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã xử quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Trương Ngọc H, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phan Đình V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.2. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng

được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.3. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Văn P 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt chung bị cáo Đặng Văn P phải chấp hành cả 02 (hai) tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.4. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Ngọc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.5. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần H2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.6. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.7. Căn cứ điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T4 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 12/5/2023).

2.8. Căn cứ điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T5 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.9. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thái S1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt

tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thành T4 kháng cáo xin được hưởng án treo; các bị cáo Trần H2, Đặng Văn P, Lê Văn T2 kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc chấp hành hình phạt chính là phạt tiền, bị cáo Trương Ngọc H, Phan Đình V kháng cáo xin chấp hành hình phạt chính là phạt tiền.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, bị cáo Huỳnh Thái S1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc chấp hành hình phạt chính là phạt tiền.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, bị cáo Đỗ Văn T5 kháng cáo xin chấp hành hình phạt chính là phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đặng Văn P bị xét xử về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 321, Điều 322 là đúng, không oan. Do mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là nặng đối với hành vi của bị cáo gây ra, nên các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành T4 thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc chấp hành hình phạt chính là phạt tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức: Thủ tục kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Trương Ngọc H, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng quy định pháp luật, không oan.

[2] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo:

[2.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về nhân thân của từng bị cáo:

Bị cáo Phan Đình V: có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép”.

Bị cáo Phạm Văn T: có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Bị cáo Đặng Văn P: có nhân thân xấu, có 01 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Giúp sức, che giấu việc đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà”.

Bị cáo Lê Văn T2: về nhân thân, có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng”.

Bị cáo Trần H2: về nhân thân, có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép”.

Bị cáo Trương Ngọc H: có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Thành T4: có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi “Đánh bạc trái phép”; năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Đỗ Văn T5: có nhân thân xấu, có 01 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép (đá gà)”, 02 lần xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”.

Bị cáo Huỳnh Thái S1: có 01 tiền án về tội tổ chức đánh bạc và đã lấy tiền án làm tình tiết định tội đối với bị cáo trong vụ án này nhưng bị cáo lại có nhân thân xấu 02 lần bị xử phạt hành chính.

Do đó cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để tuyên hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo: Các bị cáo V, T, P, H, T2, H2, T4, T5, S1 đều có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS; trong đó bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Các bị cáo V, T, P, T2, H2, T4, T5, S1 đều có nhân thân xấu; riêng bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tuy nhiên xét vai trò của các bị cáo là

người chủ mưu, đề xuất và thực hành chính cùng với các bị cáo V, T, T8, P nên các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 3 Điều 2, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về kháng cáo xin được áp dụng hình phạt tiền của bị cáo Trần H2, Đặng Văn P, Lê Văn T2, Phan Đình V, Phạm Văn T, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4: Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo cần có hình phạt nghiêm khắc, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục nên không có căn cứ để chuyển sang hình phạt nhẹ hơn là hình phạt tiền, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Trương Ngọc H: Xét thấy bị cáo H kháng cáo bổ sung tài liệu chứng minh được có khả năng kinh tế để nộp phạt; bị cáo H có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội do bị cáo V rủ rê tham gia, do đó kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt tiền của bị cáo Trương Ngọc H có căn cứ chấp nhận.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc H

Sửa một phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Ngọc H mức phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T phát biểu: Thống nhất với tội danh, điều luật và hình phạt mà cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử tuyên xử đối với bị cáo Phạm Văn T là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Đối với hành vi “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo chỉ bàn bạc ban đầu, không trực tiếp tham gia, chỉ hưởng lợi do các bị cáo khác chia lại, do đó vai trò của bị cáo hạn chế hơn các bị cáo khác. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Trương Ngọc H, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng quy định pháp luật, không oan.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và xử phạt các bị cáo mức hình phạt như án sơ thẩm tuyên là hoàn toàn có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo: Các bị cáo V, T, P, T2, H2, T4, T5, S1 đều có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS; trong đó bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P bổ sung vợ bệnh cột sống con khuyết tật, bị cáo V bổ sung cha tham gia bảo vệ Tổ quốc là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm đã áp dụng.

Các bị cáo V, T, P, T2, H2, T4, T5, S1 đều có nhân thân xấu, riêng bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tuy nhiên xét vai trò của bị cáo là người chủ mưu, đề xuất và thực hành chính cùng với các bị cáo V, T, T8, P nên các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 3 Điều 2, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do đó không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Về kháng cáo xin được áp dụng hình phạt tiền của bị cáo Trần H2, Đặng Văn P, Lê Văn T2, Phan Đình V, Phạm Văn T, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4: Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo cần có hình phạt nghiêm khắc, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục nên không có căn cứ để chuyển sang hình phạt nhẹ hơn là hình phạt tiền như lời đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Đối với bị cáo Trương Ngọc H: Xét thấy bị cáo H kháng cáo bổ sung tài liệu chứng minh được có khả năng kinh tế để nộp phạt; bị cáo H có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội do bị cáo V rủ rê tham gia, do đó kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt tiền của bị cáo Trương Ngọc H có căn cứ chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì hình phạt chính đã đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo là có căn cứ.

[8] Do đó căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc H

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đối hình phạt Trương Ngọc H, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Trương Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc H

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P.

Sửa một phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, chuyển sang hình phạt tiền đối với bị cáo Trương Ngọc H, giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P.

2. Tuyên bố bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Trương Ngọc H, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

2.1. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017;

Xử phạt bị cáo Phan Đình V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.2. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.3. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Đặng Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Đặng Văn P 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt chung bị cáo Đặng Văn P phải chấp hành cả 02 (hai) tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.4. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần H2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.5. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 10/7/2023).

2.6. Căn cứ điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T5 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.7. Căn cứ điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T4 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2023 đến ngày 12/5/2023).

2.8. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thái S1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.9. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc H 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Các bị cáo Phan Đình V, Phạm Văn T, Lê Văn T2, Trần H2, Đỗ Văn T5, Nguyễn Thành T4, Huỳnh Thái S1, Đặng Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trương Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- VP. CQANĐT CA tỉnh (02);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường